

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

## MỤC LỤC

---

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 299.975.800.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 của thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

### **2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phạm Thị Sum	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Chủ	Phó Chủ tịch thường trực (từ nhiệm ngày 8/4/2011)
Ông Phạm Đình Mạnh Thu	Phó Chủ tịch thường trực (bổ nhiệm ngày 22/4/2011)
Ông Nguyễn Xuân Trinh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Văn Lang	Thành viên
Ông Thái Văn Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Phạm Công Hải	Thành viên
Ông Trần Tấn Phát	Thành viên
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Lang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### **3. Tình hình kinh doanh năm 2011**

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### **4. Cam kết của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Nhóm Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Nhóm Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Nhóm Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Nhóm Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

Số: 12.107/BCKTHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HOÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Công ty cổ phần Đường Biên Hoà (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty) từ trang 05 đến trang 36 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Nhóm Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2012



**LỤC THỊ VÂN**  
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

**NGÔ THANH BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>752.872.194.157</b>	<b>618.030.221.264</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>178.778.249.429</b>	<b>58.758.932.992</b>
1. Tiền	111		16.878.249.429	21.065.323.914
2. Các khoản tương đương tiền	112		161.900.000.000	37.693.609.078
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	5.2	<b>234.744.313.899</b>	<b>254.984.461.050</b>
1. Phải thu khách hàng	131		47.347.504.711	42.826.654.051
2. Trả trước cho người bán	132		179.856.412.658	141.542.960.961
3. Phải thu nội bộ	133			13.455
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		7.540.396.530	70.804.110.927
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			(189.278.344)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>333.067.839.752</b>	<b>299.228.764.041</b>
1. Hàng tồn kho	141		333.067.839.752	299.228.764.041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.281.791.077</b>	<b>5.058.063.181</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.600.000	15.600.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.631.692.020	4.336.559.858
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.634.499.057	705.903.323

(phần tiếp theo trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>528.865.023.152</b>	<b>397.162.090.549</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	5.4	<b>58.765.140.846</b>	<b>65.945.864.185</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		68.919.908.057	76.557.753.919
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(10.154.767.211)	(10.611.889.734)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>406.501.374.593</b>	<b>277.480.000.486</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	201.125.463.345	220.465.728.636
+ Nguyên giá	222		521.794.159.598	492.888.100.392
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(320.668.696.253)	(272.422.371.756)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	12.261.509.740	13.618.864.733
+ Nguyên giá	228		20.361.700.982	19.963.162.312
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.100.191.242)	(6.344.297.579)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	193.114.401.508	43.395.407.117
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.8	<b>30.775.710.000</b>	<b>29.217.600.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		50.239.701.076	48.358.701.076
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.463.991.076)	(19.141.101.076)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.826.914.085</b>	<b>4.341.423.021</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.920.159.075	3.087.118.011
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.9	1.254.305.010	1.254.305.010
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.652.450.000	
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	5.10	<b>17.995.883.629</b>	<b>20.177.202.857</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.281.737.217.308</b>	<b>1.015.192.311.813</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>733.238.203.766</b>	<b>518.517.643.586</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>628.124.819.121</b>	<b>403.366.337.560</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	361.712.095.401	224.775.330.583
2. Phải trả người bán	312	5.12	81.093.001.599	36.854.152.415
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	131.773.602.991	49.497.537.329
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	16.726.524.877	18.580.645.667
5. Phải trả người lao động	315	5.14	1.938.277.345	7.728.496.156
6. Chi phí phải trả	316	5.15	4.828.609.292	16.077.752.820
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	13.960.380.259	45.744.979.407
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	5.17	16.092.327.357	4.107.443.183
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105.113.384.646</b>	<b>115.151.306.026</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	104.338.661.817	114.541.165.363
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		774.722.829	610.140.663
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.19.1	<b>548.499.013.542</b>	<b>496.674.654.773</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>548.499.013.542</b>	<b>496.674.654.773</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.19.2	299.975.800.000	185.316.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	154.476.840.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		65.413.962.846	43.083.053.253
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.795.379.602	10.351.743.071
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.19.6	125.496.631.094	103.446.818.449
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.281.737.217.308</b>	<b>1.015.192.298.358</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		378.751.390	127.231.420
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.339.968.982	2.175.327.188
5. Ngoại tệ các loại + USD		12.557,97	60.142,21
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Biên Hòa, ngày 05 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.566.008.025.429	2.007.500.529.481
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.386.023.135	2.982.528.820
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.564.622.002.294	2.004.518.000.661
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.294.967.014.064	1.755.812.307.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		269.654.988.230	248.705.693.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	35.024.068.534	17.785.324.931
7. Chi phí tài chính	22	6.4	80.354.988.941	46.364.299.172
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		72.189.604.951	42.535.388.304
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	32.744.020.762	26.003.196.785
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	42.443.686.312	28.619.516.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		149.136.360.749	165.504.005.944
11. Thu nhập khác	31	6.7	11.400.082.329	4.763.957.393
12. Chi phí khác	32	6.8	518.765.759	4.601.202.251
13. Lợi nhuận khác	40		10.881.316.570	162.755.142
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		160.017.677.319	165.666.761.086
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	12.784.481.532	19.797.141.655
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		147.233.195.788	145.869.619.431
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		147.233.195.788	145.869.619.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.19.5	4.908	4.863

Biên Hòa, ngày 05 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.726.721.884.986	2.181.010.011.824
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(1.730.660.170.266)	(1.401.002.025.953)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(89.691.321.573)	(72.573.513.786)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(76.777.765.575)	(42.412.218.150)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(16.352.329.420)	(14.222.537.334)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		460.340.992.551	59.938.247.497
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.108.898.658.096)	(563.952.570.740)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>164.682.632.607</b>	<b>146.785.393.358</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(96.430.079.636)	(7.320.762.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.002.000.000	4.748.333.993
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(197.602.418.467)	(140.665.888.558)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		175.481.223.874	104.571.640.892
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.881.000.000)	(26.346.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			20.335.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.925.368.099	4.715.917.523
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(105.504.906.130)</b>	<b>(39.961.758.685)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		1.440.345.289.694	973.637.827.653
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.316.895.402.902)	(1.044.563.590.702)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62.674.424.900)	(62.594.878.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>60.775.461.892</b>	<b>(133.520.641.949)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>119.953.188.369</b>	<b>(26.697.007.276)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>58.758.932.992</b>	<b>86.126.277.361</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		66.128.068	(670.337.093)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>178.778.249.429</b>	<b>58.758.932.992</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

Biên Hòa, ngày 05 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

*Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.*

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 299.975.800.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty).

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất các sản phẩm mía đường.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

## 1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi	Ấp Thành Tân, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	100%	100%
2.	Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa - Thành Long	Ấp Nam Bến Sỏi, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	100%	100%

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đường Biên Hòa và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm.

### 4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Đối với các tài sản cố định hữu hình trực tiếp tham gia sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An: trong năm tài chính 2009, Công ty đã chuyển đổi từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng theo Quyết định số 010/2009/QĐ-BHS-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2008 của Hội Đồng Quản Trị. Theo đó, mức khấu hao định mức là 548 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và 765 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Trị An.

Đối với các tài sản cố định còn lại: nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	2 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải	3 – 7 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
+ Chi phí đền bù, giải tỏa	5 – 20 năm

### **4.7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Trong năm 2011, Nhóm Công ty đã thay đổi phương pháp ghi nhận chi phí hỗ trợ trồng mới mía nguyên liệu từ việc ghi nhận theo phương pháp dự chi sang ghi nhận theo phương pháp thực chi vì Ban Tổng Giám Đốc tin rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp hơn với thực tế phát sinh chi phí và đặc điểm kinh doanh của Nhóm Công ty.

### **4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Nhóm Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### **4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế.

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi đầu tư trồng mía: lãi phải thu từ khoản ứng vốn cho nông dân trồng mía được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

### **4.12. Thuê tài sản**

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Nhóm Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### **4.13. Thuế**

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty mẹ  
Đối với hoạt động sản xuất:
  - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 12 năm, kể từ năm 2001 là 15%.
  - Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

Đối với hoạt động thương mại:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 10 năm, kể từ năm 2001 là 20%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2010 và năm 2011 đối với hoạt động sản xuất; năm 2009 và năm 2010 đối với hoạt động thương mại do có chứng khoán niêm yết lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 153/TCT-PC ngày 14/1/2010 của Tổng Cục Thuế.

Ngoài ra, theo Nghị quyết 08/2011/QH13 ngày 6/8/2011 của Quốc Hội, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2011 do thuộc đối tượng sử dụng nhiều lao động trong hoạt động chế biến nông sản.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi
  - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
  - Miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Nhóm Công ty.

#### **4.14. Công cụ tài chính**

- Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.15. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.16. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này:

#### Kết quả kinh doanh (Trích)

	<b>Năm trước</b> (Trình bày lại)	<b>Năm trước</b> (Đã được trình bày trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phần	4.863	7.871

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2010 được hồi tố lại do Nhóm Công ty tăng vốn điều lệ trong năm 2011 bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn với tỷ lệ 61,88%.

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	<b>Năm trước</b> (Trình bày lại)	<b>Năm trước</b> (Đã được trình bày trước đây)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	59.938.247.497	3.846.122.788.996
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(563.952.570.740)	(4.350.137.112.239)

Nguyên nhân điều chỉnh các số liệu trên là do thay đổi cách lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phân tích và tổng hợp trực tiếp các khoản tiền thu và chi theo từng nội dung thu, chi từ các ghi chép kế toán của doanh nghiệp sang điều chỉnh doanh thu, giá vốn hàng bán và các khoản mục khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho:

- Các thay đổi trong kỳ của hàng tồn kho, các khoản phải thu và các khoản phải trả từ hoạt động kinh doanh.
- Các khoản mục không phải bằng tiền khác.
- Các luồng tiền liên quan đến hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

Việc thay đổi này đã loại trừ các khoản tiền thu, chi nội bộ mà theo cách lập trước đây được tổng hợp vào thu tiền hoặc chi tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

*(phần tiếp theo trang 18)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	188.492.846	1.678.259.508
Tiền gửi ngân hàng	16.689.756.583	19.387.064.406
Các khoản tương đương tiền	161.900.000.000	37.693.609.078
<b>Tổng cộng</b>	<b>178.778.249.429</b>	<b>58.758.932.992</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	47.347.504.711	42.826.654.051
Trả trước cho người bán	179.856.412.658	141.542.960.961
Các khoản phải thu khác	7.540.396.530	70.804.110.927
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>234.744.313.899</b>	<b>255.173.725.939</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(189.278.344)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>234.744.313.899</b>	<b>254.984.447.595</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm Công ty. Các khoản phải thu khách hàng được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng sau đây - xem thêm mục 5.11:

- Ngân hàng China Trust với giá trị khoản phải thu là 3.114.480 USD.
- Ngân hàng HSBC với giá trị khoản phải thu là 4.000.000 USD.

Khoản mục Trả trước cho người bán đã bao gồm khoản ứng vốn ngắn hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An đến ngày 31/12/2011 là 126.603.233.903 đồng.

Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền vận chuyển chi hộ cho nông dân	4.837.771.806	4.862.309.858
Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu	687.061.111	-
Phải thu Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) về lô hàng xuất cho mượn	-	64.427.181.154
Dự án Nhà ở cán bộ công nhân viên	-	699.816.435
Khác	2.015.563.613	814.803.480
<b>Cộng</b>	<b>7.540.396.530</b>	<b>70.804.110.927</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	133.480.169.994	132.673.621.795
Công cụ, dụng cụ	12.258.262.460	11.483.057.541
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	101.344.865.797	70.393.201.739
Thành phẩm	81.463.044.323	79.347.104.655
Hàng hóa	4.521.497.178	5.331.778.311
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>333.067.839.752</b>	<b>299.228.764.041</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>333.067.839.752</b>	<b>299.228.764.041</b>

Giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp tương ứng với dư nợ vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai theo từng thời điểm – xem thêm mục 5.11.

### 5.4. Các khoản phải thu dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu dài hạn khác	68.919.908.057	76.557.753.919
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(10.154.767.211)	(10.611.889.734)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>58.765.140.846</b>	<b>65.945.864.185</b>

Phải thu dài hạn khác là khoản ứng vốn dài hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An.

(phần tiếp theo trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.5 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	109.537.257.912	365.758.916.917	12.492.449.150	5.099.476.414	492.888.100.392
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	28.921.750.095	-	-	28.921.750.095
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.690.889)	-	(15.690.889)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>109.537.257.912</b>	<b>394.680.667.012</b>	<b>12.476.758.261</b>	<b>5.099.476.414</b>	<b>521.794.159.598</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	62.336.810.484	200.573.894.886	6.877.211.062	2.634.455.323	272.422.371.756
Khấu hao trong năm	8.489.703.086	37.918.728.761	1.309.624.867	543.958.673	48.262.015.387
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.690.889)	-	(15.690.889)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>70.826.513.570</b>	<b>238.492.623.647</b>	<b>8.171.145.040</b>	<b>3.178.413.996</b>	<b>320.668.696.253</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	47.200.447.427	165.185.022.031	5.615.238.087	2.465.021.091	220.465.728.636
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38.710.744.342</b>	<b>156.188.043.365</b>	<b>4.305.613.220</b>	<b>1.921.062.418</b>	<b>201.125.463.345</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn là 132.485.903.264 đồng - xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 65.675.567.773 đồng.

Các cam kết liên quan đến mua bán tài sản chưa thực hiện là 9.823.203.500 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù, san lấp	Bản quyền Microsoft	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.882.785.128	4.147.285.253	933.091.931	19.963.162.312
Tăng trong năm	-	398.538.670	-	398.538.670
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.882.785.128</b>	<b>4.545.823.923</b>	<b>933.091.931</b>	<b>20.361.700.982</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	3.216.965.199	3.127.332.379	-	6.344.297.579
Khấu hao trong năm	1.470.990.629	284.903.034	-	1.755.893.663
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.687.955.828</b>	<b>3.412.235.413</b>	<b>-</b>	<b>8.100.191.242</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	11.665.819.929	1.019.952.874	933.091.931	13.618.864.733
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.194.829.300</b>	<b>1.133.588.510</b>	<b>933.091.931</b>	<b>12.261.509.740</b>

Giá trị còn lại cuối năm của quyền sử dụng đất đã dùng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 4.487.722.480 đồng - xem thêm mục 5.11.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 81.667.841 đồng.

**5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án đầu tư thiết bị nâng hiệu suất ép và công suất đạt 4.000 tấn mía/ngày tại Nhà máy đường Biên Hoà – Tây Ninh	81.622.185.125	10.637.821.542
Dự án tiết kiệm năng lượng và nâng công suất giai đoạn I tại PX đường luyện - Nhà máy Biên Hoà	23.658.234.354	2.000.894.319
Dự án đầu tư nâng công suất giai đoạn I lên 2.000 tấn mía/ngày tại Nhà máy đường Biên Hoà-Trị An	11.847.519.136	7.475.288.986
Dự án trồng và sản xuất mía đường tại Campuchia	39.282.376.555	-
Dự án Cụm Chế biến Công nghiệp Tây Sông Vàm Cỏ	18.696.557.327	17.931.926.132
Các dự án khác	18.007.529.011	5.349.476.138
<b>Tổng cộng</b>	<b>193.114.401.508</b>	<b>43.395.407.117</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	50.239.701.076	48.358.701.076
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>50.239.701.076</b>	<b>48.358.701.076</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(19.463.991.076)	(19.141.101.076)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>30.775.710.000</b>	<b>29.217.600.000</b>

Các khoản đầu tư dài hạn khác là đầu tư cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.442.100	41.239.701.076	1.248.000	39.358.701.076
Cổ phiếu CTCP Giao dịch hàng hóa Sài Gòn Thương Tín	750.000	9.000.000.000	750.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.192.100</b>	<b>50.239.701.076</b>	<b>1.998.000</b>	<b>48.358.701.076</b>

### 5.9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2006, được khấu trừ từ năm 2012 đến năm 2014.

### 5.10. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	20.177.202.857	-
Phát sinh trong năm	-	21.813.192.278
Phân bổ trong năm	(2.181.319.228)	(1.635.989.421)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.995.883.629</b>	<b>20.177.202.857</b>

### 5.11. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	322.964.681.280	200.037.852.462
Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.18	38.747.414.121	24.737.478.121
<b>Tổng cộng</b>	<b>361.712.095.401</b>	<b>224.775.330.583</b>

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay chịu lãi suất từ 15,5%/năm đến 16,2%/năm đối với khoản vay bằng VND và từ 5,6%/năm đến 6,7%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Các khoản phải thu khách hàng – xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho - xem thêm mục 5.3.
- Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 4.487.722.480 đồng - xem thêm mục 5.6.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	81.093.001.599	36.854.152.415
Người mua trả tiền trước	131.773.602.991	49.497.537.329
<b>Tổng cộng</b>	<b>212.866.604.590</b>	<b>86.351.689.744</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm Công ty.

### 5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	9.274.329.845	6.869.099.033
Thuế tiêu thụ đặc biệt	205.466.011	67.933.751
Thuế nhập khẩu	4.110.457.994	4.238.991.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.995.205.528	6.563.053.416
Các loại thuế khác	141.065.499	841.568.063
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.726.524.877</b>	<b>18.580.645.667</b>

### 5.14. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2011 còn phải trả.

### 5.15. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí vận chuyển nội bộ	2.387.587.320	-
Chi phí nước	390.000.317	697.999.239
Chi phí hỗ trợ đầu tư	-	14.553.336.822
Khác	2.051.021.655	826.416.759
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.828.609.292</b>	<b>16.077.752.820</b>

### 5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	95.009.696	71.192.104
Kinh phí công đoàn	-	260.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.129.800.000	1.534.390.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.735.570.563	43.879.397.303
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.960.380.259</b>	<b>45.744.979.407</b>

(phần tiếp theo trang 24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các khoản phải trả, phải nộp khác chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng của Vinamilk	-	30.000.000.000
Cổ tức phải trả	5.796.206.800	3.609.961.700
Vay quỹ tiết kiệm của Công đoàn	5.467.262.067	6.731.941.010
Dự án nhà ở cán bộ công nhân viên	143.661.002	948.448.189
Khác	1.328.440.694	2.589.046.404
<b>Cộng</b>	<b><u>12.735.570.563</u></b>	<b><u>43.879.397.303</u></b>

**5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số dư đầu năm	4.107.443.183	3.066.480.941
Trích lập trong năm	27.007.140.724	8.420.983.624
Tăng khác	-	12.118.100
Sử dụng trong năm	(15.022.256.550)	(7.392.139.482)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>16.092.327.357</u></b>	<b><u>4.107.443.183</u></b>

**5.18. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngân hàng	143.086.075.938	139.278.643.484
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.11	(38.747.414.121)	(24.737.478.121)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>104.338.661.817</u></b>	<b><u>114.541.165.363</u></b>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng VND có thời hạn từ 5 năm đến 20 năm với lãi suất từ 3,9%/năm đến 19,4%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 132.485.903.264 đồng - xem mục 5.5, và tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị được định giá là 65.728.000.000 đồng.

(phần tiếp theo trang 25)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

#### 5.19. Vốn chủ sở hữu

##### 5.19.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	185.316.200.000	154.476.840.000	(1.852.417.625)	27.632.282.412	6.910.585.120	52.982.898.509	425.466.388.416
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	145.869.619.431	145.869.619.431
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	15.450.770.841	3.441.157.951	(27.312.912.416)	(8.420.983.624)
Khác	-	-	1.852.417.625	-	-	(3.232.117.075)	(1.379.699.450)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>154.476.840.000</b>		<b>43.083.053.253</b>	<b>10.351.743.071</b>	<b>103.446.818.449</b>	<b>496.674.654.773</b>
Tăng vốn trong năm nay	114.659.600.000	(114.659.600.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	147.233.195.788	147.233.195.788
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	22.330.909.593	7.443.636.531	(60.322.713.142)	(30.548.167.018)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>299.975.800.000</b>	<b>39.817.240.000</b>		<b>65.413.962.846</b>	<b>17.795.379.602</b>	<b>125.496.631.094</b>	<b>548.499.013.542</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	33.751.000.000	20.849.400.000
Vốn góp của các đối tượng khác	266.224.800.000	164.466.800.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>299.975.800.000</b>	<b>185.316.200.000</b>

### 5.19.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	64.860.670.000	64.860.670.000

Các đợt chia cổ tức trong năm 2011 như sau:

Cổ tức tạm chia năm 2011 (20%)	37.063.240.000
Cổ tức đợt 2 năm 2010 (15%)	27.797.430.000
<b>Cộng</b>	<b>64.860.670.000</b>

Công ty tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn chủ sở hữu. Cổ tức năm 2011 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông năm 2012.

### 5.19.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	29.997.580	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	29.997.580	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	29.997.580	18.531.620
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

### 5.19.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại)
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	147.233.195.788	145.869.619.431
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	29.997.580	29.997.580
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>4.908</b>	<b>4.863</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.19.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	103.446.818.449	52.982.898.509
Lợi nhuận sau thuế trong năm	147.233.195.788	145.869.619.431
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(22.330.909.593)	(15.450.770.841)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(7.443.636.531)	(3.441.157.951)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(27.007.140.724)	(8.420.983.624)
Chia cổ tức	(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Chi khác	(3.541.026.295)	(3.232.117.075)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>125.496.631.094</b>	<b>103.446.818.449</b>

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	2.552.226.416.277	1.996.705.534.614
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.781.609.152	10.794.994.867
Hàng bán bị trả lại	(23.945.137)	(1.737.035.091)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.362.077.998)	(1.245.493.729)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.564.622.002.294</b>	<b>2.004.518.000.661</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	2.288.308.800.271	1.749.678.795.314
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.658.213.793	6.133.511.767
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.294.967.014.064</b>	<b>1.755.812.307.081</b>

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư trồng mía	22.357.018.873	12.171.403.487
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.583.231.923	3.517.219.593
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.208.714.147	285.470.170
Lãi đầu tư chứng khoán	-	711.700.000
Khác	875.103.591	1.099.531.681
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.024.068.534</b>	<b>17.785.324.931</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	72.189.604.951	42.535.388.304
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	7.454.344.084	7.025.222.086
Dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán	322.890.000	(4.257.600.000)
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	-	555.000.000
Khác	388.149.906	506.288.782
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.354.988.941</b>	<b>46.364.299.172</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.699.242.360	5.539.536.535
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	642.067.059	125.031.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.065.615.124	921.845.933
Chi phí tiếp thị, khuyến mãi	4.202.883.831	4.131.357.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.277.449.872	11.215.693.556
Chi phí bằng tiền khác	5.856.762.516	4.069.731.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.744.020.762</b>	<b>26.003.196.785</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.445.132.453	11.110.314.062
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	5.806.069.114	187.112.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	561.240.417	502.993.767
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	760.889.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.257.328.494	3.681.533.218
Phân bổ lợi thế thương mại	2.181.319.228	1.635.989.421
Chi phí bằng tiền khác	10.192.596.606	10.740.684.039
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.443.686.312</b>	<b>28.619.516.610</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác nguồn nguyên liệu ở Gò Cát, Tây Ninh	9.582.275.000	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.000.000	4.617.742.257
Thu nhập khác	1.815.807.329	146.215.136
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.400.082.329</b>	<b>4.763.957.393</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.8. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	4.591.452.251
Chi phí khác	518.765.759	9.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>518.765.759</b>	<b>4.601.202.251</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	160.017.677.319	165.666.761.086
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	7.161.713.548	13.884.480.674
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.881.000.000)	(558.782.776)
Trừ thu nhập khác	(8.850.932.420)	(48.905.429.829)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	156.447.458.447	130.087.029.155
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (đã giảm 50%)	7,5%	7,5%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	11.733.559.384	9.756.527.187
Điều chỉnh giảm 30% thuế TDND theo Nghị quyết 08/2011/QH13 ngày 6/8/2011	(1.584.030.517)	-
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác	2.634.952.665	5.926.436.570
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	4.114.177.898
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>12.784.481.532</b>	<b>19.797.141.655</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

**6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.848.526.130.425	1.285.517.987.408
Chi phí nhân công	89.372.641.131	73.579.886.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.672.556.608	32.121.927.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.077.479.097	34.708.278.490
Chi phí khác bằng tiền	74.326.008.016	79.629.621.871
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.121.974.815.277</b>	<b>1.505.557.701.802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**7. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Đường sản xuất
- + Rượu sản xuất
- + Đường hàng hóa
- + Dịch vụ
- + Khác

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: triệu đồng

	Đường sản xuất		Rượu sản xuất		Đường hàng hóa		Dịch vụ		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011
<b>Doanh thu</b>														
Từ khách hàng bên ngoài	1.431.897	2.099.571	2.735	2.943	489.819	317.774	19.524	20.980	60.543	123.354	-	-	2.004.518	2.564.622
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	11.414	15.462	(11.414)	(15.462)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.431.897</b>	<b>2.099.571</b>	<b>2.735</b>	<b>2.943</b>	<b>489.819</b>	<b>317.774</b>	<b>19.524</b>	<b>20.980</b>	<b>71.957</b>	<b>138.816</b>	<b>(11.414)</b>	<b>(15.462)</b>	<b>2.004.518</b>	<b>2.564.622</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Kết quả của bộ phận	216.512	257.848	(9)	454	23.925	(19.174)	5.927	7.675	4.269	23.543	(1.918)	(691)	248.706	269.655
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54.623	75.188
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	194.083	194.467
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.785	35.024
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	46.364	80.355
Thu nhập/chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	163	10.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.797	12.784
Lợi ích cổ động thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>													<b>145.870</b>	<b>147.233</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**Các thông tin khác**

	Đường sản xuất		Rượu sản xuất		Đường hàng hóa		Dịch vụ		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011
Tài sản của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.015.192	1.281.737
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>													<b>1.015.192</b>	<b>1.281.737</b>

	Đường sản xuất		Rượu sản xuất		Đường hàng hóa		Dịch vụ		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	518.517	733.238
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>													<b>518.517</b>	<b>733.238</b>

	Đường sản xuất		Rượu sản xuất		Đường hàng hóa		Dịch vụ		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011
Chi phí mua sắm tài sản	6.264	3.224	-	-	-	-	-	-	19.918	25.885	-	-	26.182	29.109
Chi phí khấu hao	3.986	3.847	18	18	-	-	1.368	1.345	28.023	44.808	-	-	33.395	50.018

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý.

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Đồng Nai		TP. HCM		Đà Nẵng		Cần Thơ		Tây Ninh		Loại trừ		Đơn vị tính: triệu đồng Tổng cộng	
	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011
<b>Doanh thu</b>														
Từ khách hàng bên ngoài	1.663.587	2.276.044	244.283	157.694	21.870	23.288	66.323	82.774	8.455	24.822	-	-	2.004.518	2.564.622
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	11.414	15.462	(11.414)	(15.462)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.663.587</b>	<b>2.276.044</b>	<b>244.283</b>	<b>157.694</b>	<b>21.870</b>	<b>23.288</b>	<b>66.323</b>	<b>82.774</b>	<b>19.869</b>	<b>40.284</b>	<b>(11.414)</b>	<b>(15.462)</b>	<b>2.004.518</b>	<b>2.564.622</b>
Tài sản của bộ phận	693.395	874.021	8.833	-	4.143	1.733	3.322	3.226	305.499	402.757	-	-	1.015.192	1.281.737
Chi phí mua sắm tài sản	8.571	12.082	-	-	-	-	-	-	17.611	17.027	-	-	26.182	29.109

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi	Công ty con
2. Tổng Công ty Mía đường II – Công ty TNHH Một Thành Viên	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
4. Công ty Cổ phần SXTM Thành Thành Công	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
5. Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Giao dịch giữa Công ty mẹ và các công ty con đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải trả	40.392.947.170	60.150.971.630

- Bản chất các giao dịch với nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bán hàng	155.492.864.322	107.433.375.437
Mua hàng	28.598.623.478	63.902.586.285
Nhận tiền vay	469.243.893.800	311.319.668.888
Trả nợ vay	489.402.739.562	336.613.065.226
Chi phí lãi vay	30.548.166.380	13.360.650.811

Nhóm Công ty vay tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho đầu tư tài sản cố định. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay tài trợ cho tài sản cố định được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và thời gian hoàn trả trong vòng 8 năm.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	1.440.000.000	1.440.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.324.788.611	965.761.064
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.764.788.611</b>	<b>2.405.761.064</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 9. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Nhóm Công ty thuê cơ sở hạ tầng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.690.480.885	1.370.135.308

Tại ngày 31/12/2011, Nhóm Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.699.716.590	1.559.629.416
Trên 1 năm đến 5 năm	8.498.582.950	7.798.147.082
Trên 5 năm	56.090.647.467	54.587.029.577
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.288.947.007</b>	<b>63.944.806.075</b>

### 10. Công cụ tài chính

#### ▪ Quản lý rủi ro vốn

Nhóm Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### ▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

#### ▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.778.249.429	58.758.932.992
Phải thu khách hàng	47.347.504.711	42.637.375.707
Đầu tư dài hạn khác	30.775.710.000	29.217.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>256.901.464.140</b>	<b>130.613.908.699</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	98.906.551.313	53.297.131.061
Các khoản vay	466.050.757.218	339.316.495.946
<b>Tổng cộng</b>	<b>564.957.308.531</b>	<b>392.613.627.007</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

Nhóm Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Nhóm Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Đô la Mỹ (USD)	14.076.400,00	2.504.166,78	12.557,97	60.142,21
Euro (EUR)	151.165,00	-	250,00	255,03
Đô la Úc (AUD)	12.430,00	-	-	-

### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Nhóm Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Nhóm Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả.

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	62.035.051.313	36.871.500.000	98.906.551.313
Các khoản vay	361.712.095.401	104.338.661.817	466.050.757.218

<b>31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	53.297.131.061	-	53.297.131.061
Các khoản vay	224.775.330.583	114.541.165.363	339.316.495.946

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.778.249.429	-	178.778.249.429
Phải thu khách hàng	47.347.504.711	-	47.347.504.711
Đầu tư dài hạn	-	30.775.710.000	30.775.710.000

<b>31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.758.932.992	-	58.758.932.992
Phải thu khách hàng	42.637.375.707	-	42.637.375.707
Đầu tư dài hạn	-	29.217.600.000	29.217.600.000

### 11. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

### 12. Các thông tin thuyết minh khác

Vào ngày 29/12/2011, Công ty được Bộ kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 490/BKHĐT-ĐTRNN để thành lập Công ty Tây Ninh Kratie Sugar Co., Ltd. thực hiện Dự án trồng và sản xuất mía đường tại Vương quốc Campuchia. Trong năm 2012, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án để hoàn thành thủ tục cấp Giấy phép đầu tư cho công ty con Tây Ninh Kratie Sugar Co., Ltd.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**13. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phát hành vào ngày 05 tháng 3 năm 2012.

Biên Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**VÕ CÔNG MINH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN LỘC**

